

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.



1

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CÀM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG

Báo cáo của Ban Giám đốc	03 – 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	07 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2022	10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm 2022	11 – 26



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên Thảo Cẩm Viên Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty TNHH Một Thành Viên Thảo Cẩm Viên Sài Gòn (Được chuyển đổi từ Thảo Cẩm Viên Sài Gòn, GCNĐKKD số: 4106000223, cấp ngày 31/12/1997, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh)

Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Thảo Cẩm Viên Sài Gòn trực thuộc Sở Giao Thông Vận Tải thành Công ty TNHH Một thành viên theo quyết định số 4276/QĐ-UBND ngày 30 tháng 09 năm 2010 của Chủ Tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0300426374 đăng ký lần 02 ngày 31 tháng 08 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Hoạt động công ích: Quản lý các hoạt động giải trí Thảo cẩm viên; Duy tu, bảo dưỡng chuồng trại và chăm sóc phát triển các loại thú, cây xanh trong khu vực; Tổ chức hoạt động về giáo dục bảo tồn các loài động, thực vật quý hiếm cho các đối tượng: học sinh, sinh viên và du khách; Nghiên cứu khoa học, phục vụ công tác chăm sóc, phát triển và nhân giống bảo tồn các loài động thực vật quý hiếm: Tư vấn, thi công, trang trí ngoại thất, tiểu cảnh, sân vườn.

Hoạt động kinh doanh khác: kinh doanh các dịch vụ Thảo Cẩm Viên.

Trụ sở chính đặt tại: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng thành viên bao gồm:

Bà Huỳnh Thu Thảo	Chủ tịch	(bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2022)
Bà Hồ Thị Bích Đào	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2018)
Ông Huỳnh Văn Phùng	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2022)

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Phạm Văn Tân	Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 30 tháng 08 năm 2021)
Ông Phạm Anh Dũng	Phó Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 29 tháng 03 năm 2017)
Ông Nguyễn Thanh Nhựt	Phó Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 02 tháng 07 năm 2020)
Bà Đào Thị Hoàng Thư	Phụ trách kế toán	(bổ nhiệm ngày 22 tháng 09 năm 2022)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

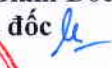
Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2023

TM. Ban Giám Đốc
Giám đốc 

Phạm Văn Tân

Số: 05.../BCKT/TC/2023/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP*Về Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty TNHH Một thành viên Thảo Cẩm Viên Sài Gòn***Kính gửi: - Hội đồng thành viên & Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Thảo Cẩm Viên Sài Gòn****Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Thảo Cẩm Viên Sài Gòn được lập ngày 16 tháng 01 năm 2023 từ trang 07 đến trang 26 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt, tiền chậm nộp số 457029/TB-CCT-CC ngày 13/06/2022 của Chi cục Thuế Quận 1 xác định số tiền thuế phải nộp cho diện tích đất tại địa chỉ số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh là 355.926.626.869 đồng (trong đó tiền thuê mặt đất hàng năm là 339.318.387.152 đồng, tiền chậm nộp là 16.608.239.717 đồng);

Tuy nhiên, trong năm 2022, đơn vị chỉ ghi nhận khoản tiền thuê đất phải nộp với số tiền là 11.552.635.816 đồng (đây là khoản tiền thuê đất, thuê mặt nước còn phải nộp đối với diện tích đất 5.590m² trong tổng số 158.117 m² tại địa chỉ số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh); Theo ý kiến của đơn vị, ngày 28/11/2022 Công ty TNHH MTV Thảo Cẩm Viên Sài Gòn đã gửi văn bản số 378/TCV báo cáo tình hình khó khăn và xin đề xuất, kiến nghị các phương án xác định diện tích đất nộp tiền thuê đất hàng năm. Công ty xin đề xuất chọn phương án xác định số tiền thuê đất phải nộp hàng năm căn cứ trên diện tích đất thực tế Thảo Cẩm Viên Sài Gòn sử dụng vào mục đích kinh doanh, dịch vụ và đúng cơ cấu sử dụng đất tại Quyết định số 6190/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 về duyệt Đồ án điều chỉnh

quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Thảo Cầm Viên Sài Gòn, Phường Bến Nghé, Quận 1. Do đó số tiền thuê đất phải nộp nêu trên đơn vị chỉ tính căn cứ vào diện tích đất sử dụng vào mục đích kinh doanh, dịch vụ là 5.590m² tương ứng với đơn giá thuê đất là 1.033.363 đồng/m²/năm;

Ngày 09/8/2022 cơ quan thuế đã có Quyết định số 23479/QĐ-CCT-CC về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế đối với đơn vị;

Từ các vấn đề nêu trên, nếu theo thông báo của cơ quan thuế, khoản thuế hạch toán thiếu với số tiền là 344.373.991.053 đồng, sẽ ảnh hưởng đến tình hình tài chính của đơn vị.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Thảo Cầm Viên Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Chúng tôi không phủ nhận ý kiến ngoại trừ nêu trên, tuy nhiên chúng tôi xin lưu ý đến số dư trả trước cho người bán, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, thu nhập khác trình bày tại thuyết minh V.3, V.6 và VI.4 của báo cáo tài chính đính kèm được căn cứ vào số liệu của đơn vị (do phạm vi của báo cáo này chúng tôi không kiểm tra chi tiết hồ sơ liên quan đến việc hình thành, tính pháp lý... của các khoản đã chi cho Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Củ Chi cũng như việc ghi nhận khoản thu nhập khác), cụ thể như sau:

- Khoản trả trước cho người bán: 5.655.195.627 đồng. Theo ý kiến của đơn vị là khoản chi phí bồi thường, hỗ trợ ...thuộc dự án Sài Gòn Safari do Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Củ Chi đã chi cho các đối tượng nhưng hồ sơ chưa xong nên chưa quyết toán với Kho bạc Nhà nước (đơn vị ghi nhận theo bảng kê xác nhận khối lượng công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện do Ban bồi thường giải phóng mặt bằng gửi tới đơn vị làm cơ sở ghi tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản);
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang: 665.805.047.684 đồng. Đơn vị ghi nhận theo số liệu của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Củ Chi đã chi trả cho các đối tượng nhận tiền bồi thường ...có hồ sơ quyết toán với Kho bạc gửi cho đơn vị làm cơ sở ghi tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.
- Trong năm đơn vị ghi nhận giảm thu nhập khác khoản hỗ trợ ngân sách thành phố do ảnh hưởng dịch Covid 19 với số tiền là 13.410.000.000 đồng. Đây là khoản thu nhập đã được ghi nhận trong năm 2021 căn cứ theo Nghị quyết số 122/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân TP.HCM ngày 09/12/2021 về chủ trương chi ngân sách đặc thù hỗ trợ để duy tu, bảo tồn, phát triển cây xanh, chăm sóc nuôi dưỡng động vật tại Thảo Cầm Viên Sài Gòn bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19. Tuy nhiên, ngày 21/07/2022 Ủy Ban Nhân dân TP.HCM đã gửi công văn số 2500/UBND-KT chấp thuận theo đề xuất của Công ty TNHH MTV Thảo Cầm Viên Sài Gòn về việc xin không nhận ngân sách đặc thù do bị ảnh hưởng bởi dịch covid 19. (Theo ý kiến của chúng tôi khoản này phải được điều chỉnh hồi tố vào năm 2021, nhưng theo ý kiến của đơn vị khoản này được điều chỉnh trong năm 2022).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2023
Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc



Kiểm toán viên

Đinh Thế Đường

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0342-2023-142-1

Đàm Minh Thúy

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1547-2023-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		75.427.077.486	35.027.711.348
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		65.160.935.405	8.783.489.712
1. Tiền	111	V.1	65.160.935.405	8.783.489.712
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.499.084.989	23.047.193.756
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	352.085.218	457.013.053
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	5.940.156.144	8.885.464.633
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.206.843.627	13.704.716.071
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		2.527.604.401	3.046.038.285
1. Hàng tồn kho	141	V.5	2.527.604.401	3.046.038.285
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		239.452.691	150.989.596
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	239.452.691	150.989.596
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		710.520.794.464	715.631.238.179
I- Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		40.604.827.172	44.945.712.149
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	40.604.827.172	44.945.712.149
- Nguyên giá	222		133.432.446.956	129.823.185.215
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(92.827.619.784)	(84.877.473.066)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		669.114.311.057	668.584.282.564
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6	669.114.311.057	668.584.282.564
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		801.656.235	2.101.243.466
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	801.656.235	2.101.243.466
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		785.947.871.949	750.658.949.528

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		36.104.134.361	6.915.015.286
I. Nợ ngắn hạn	310		36.014.907.155	6.801.820.811
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	6.701.782.954	835.579.968
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	1.036.597.012	1.036.597.012
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	11.998.653.251	144.121.411
4. Phải trả người lao động	314	V.12	15.810.709.156	4.407.165.828
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	467.164.782	378.356.592
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành	322			
II. Nợ dài hạn	330		89.227.206	113.194.475
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		89.227.206	113.194.475
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	V.14	749.843.737.588	743.743.934.242
I. Vốn chủ sở hữu	410		749.839.475.725	743.726.887.147
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		75.914.984.886	73.272.717.047
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		820.834.471	820.834.471
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(579.023.192)	(3.519.315.438)
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(3.519.315.438)	(4.068.820.871)
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		2.940.292.246	549.505.433
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		673.682.679.560	673.152.651.067
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		4.261.863	17.047.095
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		4.261.863	17.047.095
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		785.947.871.949	750.658.949.528

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Phụ trách kế toán
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

 Nguyễn Kim Phúc


 Đào Thị Hoàng Thư


 Phạm Văn Tân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	144.599.542.495	45.364.419.273
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		144.599.542.495	45.364.419.273
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	100.122.578.811	62.947.517.670
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		44.476.963.684	(17.583.098.397)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	129.746.257	13.868.868
7. Chi phí tài chính	22		239.310	395.767
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	25.753.918.582	7.009.721.029
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		18.852.552.050	(24.579.346.325)
11. Thu nhập khác	31	VI.4	(12.968.087.546)	26.894.908.551
12. Chi phí khác	32	VI.5	2.299.984.006	1.766.056.793
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(15.268.071.552)	25.128.851.758
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.584.480.498	549.505.433
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	644.188.252	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	VI.9	2.940.292.246	549.505.433

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Phụ trách kế toán
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2023

Chiam đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phạm Văn Tân

Nguyễn Kim Phúc

Đào Thị Hoàng Thư

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	M.Số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		159.391.221.809	50.251.031.315
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(49.277.695.302)	(33.949.887.833)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(26.673.743.353)	(17.881.436.712)
4. Tiền lãi vay đã trả	04			
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(430.000.000)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.170.557.964	13.922.886.981
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(26.129.667.357)	(11.653.716.191)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		58.050.673.761	688.877.568
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.803.213.636)	(4.832.951.364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		129.746.257	13.868.868
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.673.467.379)	(4.819.082.496)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		56.377.206.382	(4.130.204.936)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.783.489.712	12.914.090.415
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		239.310	(395.767)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1	65.160.935.405	8.783.489.712

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Phụ trách kế toán
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2023

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phạm Văn Tân

(Signature)
Nguyễn Kim Phúc

(Signature)
Đào Thị Hoàng Thư

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Thảo Cẩm Viên Sài Gòn trực thuộc Sở Giao Thông Vận Tải thành Công ty TNHH Một thành viên theo quyết định số 4276/QĐ-UBND ngày 30 tháng 09 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0300426374 đăng ký lần 02 ngày 31 tháng 08 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 617.116.976.729 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm mười bảy tỷ, một trăm mười sáu triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm hai mươi chín đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ công ích.

3. Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ chăm sóc thú và hoa viên, bán vé, nước giải khát, ăn uống, cung cấp cây kiểng, giữ xe.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không

6. Nhân viên: Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 238 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 220 người).

II Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

4.1 Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

4.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

4.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

4.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.
- Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh:

6.1 Tài sản đồng kiểm soát:

Công ty ghi nhận trong báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm, dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

6.2 Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát:

Công ty ghi nhận trong báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải trả gánh chịu.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả:

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính:

Các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp. Không phản ánh các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, phải theo dõi chi tiết nguyên tệ và thực hiện theo nguyên tắc:

- Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;
- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CÀM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp đã góp của chủ sở hữu.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

12.1 Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

12.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

12.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính: Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Không hạch toán vào chi phí tài chính những nội dung chi phí sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Chi phí kinh doanh bất động sản;
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác;
- Chi phí khác.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

Các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Thuế TNDN hiện hành:

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



637

3 TY

MHUI

NH VI

IM VI

GOP

TO C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
* Tiền mặt	2.338.590.065	1.506.232.636
* Tiền gửi ngân hàng	62.822.345.341	7.277.257.077
- Tiền VND	62.798.872.518	7.254.023.564
- Kho Bạc Nhà Nước TP.HCM	592.500.000	592.500.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN - CN.Miền Đông	31.840.279.514	1.558.109.841
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN - CN.Bình Triệu	30.141.999.970	972.768.831
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN. Tp.HCM	224.093.034	4.130.644.892
- Tiền ngoại tệ (USD)	23.472.823	23.233.513
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN - CN. Bình Triệu (# 951,89 USD)	22.302.783	21.959.006
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN - CN. Miền Đông (# 49,62 USD)	1.170.040	1.274.507
Cộng	65.160.935.405	8.783.489.712

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
* Phải thu của khách hàng ngắn hạn chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu của khách hàng	252.899.500	159.397.500
- Câu Lạc Bộ Cưỡi Ngựa Nghệ Thuật Saigon Pony Club	128.440.000	77.680.000
- Công ty CP Tập Đoàn Mai Linh	42.859.500	50.477.500
- Công ty CP Vườn Thú Mỹ Quỳnh	81.600.000	31.240.000
* Các khoản phải thu của khách hàng khác	99.185.718	297.615.553
Cộng	352.085.218	457.013.053

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
* Trả trước cho người bán ngắn hạn chiếm từ 10% trở lên trên tổng trả trước cho người bán	5.655.195.627	5.655.195.627
- Ban bồi thường giải phóng mặt bằng - Huyện Củ Chi	5.655.195.627	5.655.195.627
* Các khoản trả trước cho người bán khác	284.960.517	3.230.269.006
Cộng	5.940.156.144	8.885.464.633

4. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
* Phải thu ngắn hạn khác	1.206.843.627		13.704.716.071	
- Bảo hiểm xã hội	87.780.113		30.131.729	
- Tạm ứng	43.000.001		10.000.001	
- Bảo hiểm y tế	3.399.788			
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.416.784			
- Phải thu nguồn ngân sách hỗ trợ do ảnh hưởng dịch Covid 19 (**)			13.410.000.000	
- Phải thu khác	1.070.246.941		254.584.341	
Cộng	1.206.843.627		13.704.716.071	

Ghi chú ():** Khoản hỗ trợ ngân sách thành phố căn cứ theo Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng Nhân dân TP.HCM về chủ trương chi ngân sách đặc thù hỗ trợ để duy tu, bảo tồn, phát triển cây xanh, chăm sóc nuôi dưỡng động vật tại Thảo Cẩm Viên Sài Gòn bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	984.525.122		1.429.133.491	
- Công cụ, dụng cụ	752.120.458		550.184.204	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang			411.667.049	
- Hàng hóa	790.958.820		655.053.541	
Cộng	2.527.604.401		3.046.038.285	

6. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
* Xây dựng cơ bản (dự án Sài Gòn Safari)	665.805.047.684	665.275.019.191
+ Chi phí đền bù, thiệt hại	637.972.871.226	637.442.842.733
+ Chi phí trồng cây xanh giai đoạn 1	2.449.681.665	2.449.681.665
+ Chi phí chuẩn bị đầu tư	2.609.226.000	2.609.226.000
+ Chi phí trồng cây xanh giai đoạn 2	22.773.268.793	22.773.268.793
* Công trình khác	3.309.263.373	3.309.263.373
Cộng	669.114.311.057	668.584.282.564

CÔNG TY TNHH MTV THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Chuong trại	Công trình sự nghiệp	Thú nuôi	Cây xanh	Tổng Cộng
Nguyên giá								
Số dư đầu năm	30.421.529.565	34.979.603.961	7.211.590.911	27.429.696.896	825.131.735	28.471.192.681	484.439.466	129.823.185.215
- Mua trong năm		2.726.354.377	110.000.000					2.836.354.377
- Cải tạo sửa chữa								
- Đầu tư XDCB hoàn thành								
- Tăng khác (thứ sinh sản, tặng)						2.642.267.839		2.642.267.839
- Thanh lý, nhượng bán (thứ chết)		76.686.667				1.790.874.302	1.799.506	1.869.360.475
- Giảm khác								
Số dư cuối năm	30.421.529.565	37.629.271.671	7.321.590.911	27.429.696.896	825.131.735	29.322.586.218	482.639.960	133.432.446.956
Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư đầu năm	29.554.671.937	21.299.604.505	6.491.151.259	26.723.960.724	808.084.640			84.877.473.066
- Khấu hao trong năm	660.120.239	6.254.301.118	411.639.126	687.987.670	12.785.232			8.026.833.385
- Tăng khác								
- Chuyển sang bất động sản đầu tư								
- Thanh lý, nhượng bán		76.686.667						76.686.667
- Giảm khác								
Số dư cuối năm	30.214.792.176	27.477.218.956	6.902.790.385	27.411.948.394	820.869.872			92.827.619.784
III. Giá trị còn lại								
1. Tại ngày đầu năm	866.857.628	13.679.999.456	720.439.652	705.736.172	17.047.095	28.471.192.681	484.439.466	44.945.712.149
2. Tại ngày cuối năm	206.737.389	10.152.052.715	418.800.526	17.748.502	4.261.863	29.322.586.218	482.639.960	40.604.827.172

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 58.041.285.370 đồng.



3374.
GTY
ENHỮ
ANH VI
TAM VII
GON
HỒ C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

* Dài hạn

- Công cụ, dụng cụ
- Chi phí lập trình ứng dụng di động
- Chi phí lập trình phần mềm quản lý

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
123.878.436	979.021.229
11.111.131	122.222.237
666.666.668	1.000.000.000
801.656.235	2.101.243.466

Đơn vị tính: VND

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

* Phải trả người bán ngắn hạn chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả người bán

- Cửa hàng vật tư nông nghiệp Phong Phú
- Công ty TNHH MTV XD Lũng Lô
- Công ty TNHH Thép Bảo Tín
- Hộ kinh doanh Như Quỳnh
- Công ty TNHH MTV TVT1828
- Cửa hàng kinh doanh tổng hợp Thắc Hà
- Hộ kinh doanh Phúc Huỳnh
- Công ty TNHH Hạt Giống Hoa Việt Nam

* Phải trả cho các đối tượng khác

Cộng

Số cuối năm		Số đầu năm	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
4.402.565.233	4.402.565.233	712.936.000	712.936.000
1.167.983.500	1.167.983.500		
712.936.000	712.936.000		
671.142.700	671.142.700		
453.100.000	453.100.000		
436.573.800	436.573.800		
350.000.000	350.000.000		
306.197.590	306.197.590		
304.631.643	304.631.643		
2.299.217.721	2.299.217.721	122.643.968	122.643.968
6.701.782.954	6.701.782.954	835.579.968	835.579.968

10. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

*Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

- Ủy ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
1.036.597.012	1.036.597.012
1.036.597.012	1.036.597.012
1.036.597.012	1.036.597.012



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải thu	Phải nộp
150.989.596	144.121.411	11.636.884.936	11.602.674.948		178.331.399
		644.188.252	430.000.000		214.188.252
		27.269.892	115.732.987	239.452.691	
		15.195.296.122	3.642.660.306		11.552.635.816
		283.163.534	229.665.750		53.497.784
Cộng		144.121.411	16.020.733.991	239.452.691	11.998.653.251

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Tiền lương phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
	15.810.709.156	4.407.165.828
Cộng	15.810.709.156	4.407.165.828

13. PHẢI TRẢ KHÁC

* Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	467.164.782	378.356.592
- Nhận ký quỹ, ký cược	9.374.951	
- Phải trả khác	353.000.000	368.000.000
	104.789.831	10.356.592
Cộng	467.164.782	378.356.592

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a/ Bảng cân đối biến động của vốn chủ sở hữu

Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu							Đơn vị tính: VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn kinh phí	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng	
A	1	2	3	4	5	6	
Số dư đầu năm trước	70.349.631.128	702.602.579.484	820.834.471	29.832.327	(4.068.820.871)	681.660.481.199	
- Tăng vốn trong năm trước	2.923.085.919	1.178.612.383				4.101.698.302	
- Lãi trong năm trước					549.505.433	549.505.433	
- Tăng khác							
- Giảm vốn trong năm trước		30.628.540.800		12.785.233		30.641.326.033	
- Lỗ trong năm trước							
- Giảm khác							
Số dư đầu năm nay	73.272.717.047	673.152.651.067	820.834.471	17.047.095	(3.519.315.438)	743.743.934.242	
- Tăng vốn trong năm nay	2.642.267.839					2.642.267.839	
- Lãi trong năm nay		530.028.493			2.940.292.246	2.940.292.246	
- Tăng khác						530.028.493	
- Giảm vốn trong năm nay							
- Lỗ trong năm nay							
- Giảm khác							
Số dư cuối năm nay	75.914.984.886	673.682.679.560	820.834.471	4.261.863	(579.023.192)	749.843.737.588	

3050117
CÔNG
TNH
DỊCH VỤ T
CHÍNH K
VÀ KIỂM T
PHIA NA
- T.P.H

22/03
NG T
HIỆM
HÀNH
CẨM
AI GI
P HC

CÔNG TY TNHH MTV THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

b/ Chi tiết vốn góp chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của nhà nước	100%	75.914.984.886	73.272.717.047
Cộng	100%	75.914.984.886	73.272.717.047

c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	73.272.717.047	70.349.631.128
+ Vốn góp tăng trong năm	2.642.267.839	2.923.085.919
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	75.914.984.886	73.272.717.047
- Cổ tức lợi nhuận đã chia		
d/ Các quỹ của doanh nghiệp	820.834.471	820.834.471
- Quỹ đầu tư và phát triển	820.834.471	820.834.471

15. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

* Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	1.001,51	1.014,71
Cộng	1.001,51	1.014,71

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	144.599.542.495	45.364.419.273
Cộng	144.599.542.495	45.364.419.273

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	100.122.578.811	62.947.517.670
Cộng	100.122.578.811	62.947.517.670

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	129.746.257	13.868.868
Cộng	129.746.257	13.868.868

CÔNG TY TNHH MTV THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

4. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập từ tiền "cứu hộ và bảo tồn động vật hoang dã"	298.643.165	13.469.106.673
- Thu nhập từ khoản hỗ trợ ngân sách thành phố do ảnh hưởng dịch Covid 19 (*)	(13.410.000.000)	13.410.000.000
- Thu nhập khác	143.269.289	15.801.878
Cộng	(12.968.087.546)	26.894.908.551

Ghi chú (*): Đây là khoản điều chỉnh giảm thu nhập khác căn cứ công văn số 2500/UBND-KT ngày 21/07/2022 của Ủy Ban Nhân dân TP.HCM về việc chấp thuận theo đề xuất của Công ty TNHH MTV Thảo Cẩm Viên Sài Gòn về việc xin không nhận ngân sách đặc thù do bị ảnh hưởng bởi dịch covid 19 (căn cứ theo Nghị quyết số 122/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân TP.HCM ngày 09/12/2021 về chủ trương chi ngân sách đặc thù hỗ trợ để duy tu, bảo tồn, phát triển cây xanh, chăm sóc nuôi dưỡng động vật tại Thảo Cẩm Viên Sài Gòn bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19, Công ty đã ghi nhận khoản tiền này vào thu nhập khác của năm 2021).

5. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí khác	2.299.984.006	1.766.056.793
Cộng	2.299.984.006	1.766.056.793

6. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

* Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	6.473.214.417	4.154.623.903
- Chi phí khấu hao TSCĐ quản lý	236.242.435	298.384.392
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.051.544.133	344.798.877
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.012.096.141	1.468.007.207
- Chi phí khác bằng tiền	15.980.821.456	743.906.650
Cộng	25.753.918.582	7.009.721.029

7. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.177.744.981	21.990.747.120
- Chi phí nhân công	49.271.896.261	22.770.235.563
- Chi phí khấu hao TSCĐ	8.014.048.153	7.109.782.950
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.360.326.458	3.402.810.774
- Chi phí bằng tiền khác	17.312.809.874	4.892.509.026
Cộng	120.136.825.727	60.166.085.433

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	644.188.252	
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay		
Cộng	644.188.252	

CÔNG TY TNHH MTV THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

9. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG NĂM

	Năm nay	Năm trước
a- Tổng lợi nhuận trước thuế	3.584.480.498	549.505.433
b- Các khoản điều chỉnh tăng	560.596.667	
c- Các khoản điều chỉnh giảm		
d- Tổng thu nhập chịu thuế (d=a+b-c)	4.145.077.165	549.505.433
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	4.145.077.165	549.505.433
+ Các khoản thu nhập khác		
e- Chuyển lỗ của các năm trước	924.135.905	549.505.433
f- Tổng thu nhập tính thuế (f=d-e)	3.220.941.260	
g- Thuế TNDN phải nộp	644.188.252	
+ Chi phí thuế TNDN hiện hành	644.188.252	
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước ghi nhận vào chi phí thuế TNDN hiện hành		
h- Lợi nhuận sau thuế TNDN (h=a-g)	2.940.292.246	549.505.433

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:**

Ngày 04/10/2021, Chi cục Thuế Quận 1 gửi Thông báo số 48030/TB-CCTQ1 xác định số tiền thuê đất hàng năm của Công ty tại địa chỉ số 02 đường Nguyễn Bình Khiêm là 163.392.099.354 đồng/năm (thu 100% diện tích đất) (đơn giá thuê đất: 1.033.362 đồng/m², diện tích phải nộp tiền thuê: 158.117 m²).

Đến ngày 13/6/2022, Chi cục Thuế Quận 1 tiếp tục ra Thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp số 457029/TB-CCT cho 2 năm 2021, 2022 với số tiền là 355.926.626.869 đồng (trong đó tiền thuê mặt đất hàng năm là 339.318.387.152 đồng, tiền chậm nộp là 16.608.239.717 đồng).

Ngày 09/8/2022, Chi cục Thuế Quận 1 ra Quyết định số 23479/QĐ-CCT-CC về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản, yêu cầu phong tỏa tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại Kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, Công ty TNHH MTV Thảo Cẩm Viên Sài Gòn đã gửi văn bản số 378/TCV ngày 28/11/2022 báo cáo tình hình khó khăn và xin đề xuất, kiến nghị các phương án xác định diện tích đất nộp tiền thuê đất hàng năm. Theo đó, Công ty xin đề xuất chọn phương án xác định số tiền thuê đất phải nộp hàng năm căn cứ trên diện tích đất thực tế Thảo Cẩm Viên Sài Gòn sử dụng vào mục đích kinh doanh, dịch vụ và đúng cơ cấu sử dụng đất tại Quyết định số 6190/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 về duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Thảo Cẩm Viên Sài Gòn, Phường Bến Nghé, Quận 1.

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2022, Công ty đang ghi nhận số tiền thuê đất còn phải nộp là 11.552.635.816 đồng (diện tích kinh doanh thực tế: 5.590m², đơn giá thuê đất: 1.033.362 đồng/m²/năm, tổng số tiền thuê đất cho 2 năm 2021 và 2022 là: 11.552.635.816 đồng).

Ban Giám đốc Công ty cho rằng khoản tiền thuê đất phải nộp với số tiền là 355.926.626.869 đồng (căn cứ Thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp số 457029/TB-CCT ngày 13/6/2022) chưa đủ cơ sở để ghi nhận là khoản nợ phải trả mà chỉ xem xét như một khoản nợ tiềm tàng trên báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2022.

Cho đến hiện nay, Sở Tài nguyên Môi trường Thành phố đang thẩm định đơn giá thuê để có cơ sở ký hợp đồng thuê đất. Trên cơ sở hợp đồng thuê đất, Công ty sẽ thực hiện nghĩa vụ đóng tiền thuê đất hàng năm đúng theo quy định.

CÔNG TY TNHH MTV THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

2- Thông tin về các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy Ban Nhân Dân TP.HCM	Đơn vị chủ quản

Trong năm 2022, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên có liên quan.

Số dư khoản phải trả của bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Ủy Ban Nhân Dân TP.HCM	Kinh phí hoạt động	1.036.597.012	1.036.597.012

3- Số liệu so sánh:

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2022 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Nguyễn Kim Phúc

Phụ trách kế toán
(Ký, họ tên)



Đào Thị Hoàng Thư

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2023

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phạm Văn Tân